

THẾ GIỚI CHÚNG TA: ĐÔI NÉT VỀ VẤN ĐỀ DÂN SỐ VÀ ĐÔ THỊ HÓA

Đô thị hóa là một phạm trù xã hội gắn liền với quá trình lịch sử phát triển dân số, con người và nền văn minh nhân loại.

Đô thị xuất hiện sớm, cùng với sự hình thành các quốc gia có lãnh thổ riêng và đặc biệt là khi nền kinh tế hàng hóa xuất hiện. Theo kết quả khảo cứu, giám định của các nhà sử học, khảo cổ học thì cách đây 5 – 6 nghìn năm những thành phố đầu tiên đã xuất hiện ở vùng Trung Đông. Do nhiều yếu tố kiềm tỏa tốc độ phát triển đô thị trong thời kỳ từ 100 năm trước đây trở về buổi bình minh của nó diễn ra rất chậm chạp. Tỷ lệ dân số từ đầu công nguyên đến giữa thế kỷ 19 (1850) chỉ chiếm từ 4 – 7 %, tức là khoảng 100 triệu người trong tổng số 1,3 tỉ người của toàn thành tinh. Từ năm 1850 trở đi sự phát triển của đô thị bước vào một thời kỳ mới với tốc độ rất nhanh chóng. Năm 1850 thế giới có 3 thành phố có dân số trên một triệu và khoảng 110 thành phố có số dân từ 100.000 trở lên. Năm 1950 con số ấy đã khác: số thành phố có số dân từ 100.000 trở lên là 946. Đặc biệt là đã có 8 thành phố có số dân trên 5 triệu, trong đó có 3 thành phố trên 10 triệu dân (Luân Đôn, Thượng Hải, New – York). Từ năm 1950 quá trình đô thị hóa bước vào thời kỳ phi nước đại. Để tiện việc so sánh về kích cỡ, quy mô và sự tăng trưởng trong từng giai đoạn từ 1950 đến năm 2000 (dự báo), tôi xin nêu ra bảng thống kê của phòng thống kê Liên hợp quốc:

| Quy mô thành phố (tính theo đơn vị 1000 người) | Số lượng đô thị | | | Dân số đô thị | | |
|--|-----------------|------|------|---------------|-------|-------|
| | 1950 | 1975 | 2000 | 1950 | 1975 | 2000 |
| 16.000 | - | 2 | 5 | - | 32,4 | 103,5 |
| 8.000 – 15.999 | 3 | 12 | 25 | 33,1 | 113,8 | 279,3 |
| 4.000 – 7.999 | 10 | 16 | 37 | 54,7 | 84,1 | 195,2 |
| 2.000 – 3.999 | 17 | 47 | 122 | 47,0 | 129,2 | 355,5 |
| 1.000 – 1.999 | 48 | 102 | 209 | 65,5 | 141,8 | 298,5 |
| 500 – 999 | 101 | 224 | (a) | 69,6 | 156,7 | (b) |
| 250 – 449 | 192 | 445 | (a) | 66,1 | 193,0 | (b) |
| 100 – 299 | 575 | 925 | (a) | 86,7 | 148,2 | (b) |
| Các loại khác (a) | (a) | (a) | (a) | 312,7 | 602,0 | 16387 |
| 1000 ⁺ | 78 | 179 | 398 | 200,3 | 501,3 | 12150 |

| | | | | | | |
|--------------------|-----|------|------|-------|--------|--------|
| Tổng số các đô thị | 946 | 1173 | | 735,4 | 1561,2 | 2853,7 |
|--------------------|-----|------|------|-------|--------|--------|

- Ghi chú: (a) và (b) là điểm chưa xác định

Như vậy, năm 1950 tổng số các đô thị có số dân 100.000 trở lên là 946 thì đến năm 1975 đã thành 1173 và số dân cũng tăng từ 735 triệu lên thành 1561 triệu, gấp hơn hai lần. Theo dự đoán, vào năm 2000 số lượng đô thị thế giới sẽ tăng gấp đôi và trong đó 400 thành phố sẽ có số dân từ 1 triệu trở lên. Ở năm 2000, hơn nửa nhân loại sẽ sống ở đô thị và 20% trong số đó sẽ sống ở các thành phố có số dân từ 1 triệu trở lên. Tỷ lệ dân số đô thị cuối thiên niên kỷ này ở các khu vực sẽ là:

- Châu Mỹ La Tinh: 72%
- Các khu vực phát triển: 75 – 77%
- Châu Á: 40%
- Châu Phi: 35%

Nếu từ năm 1950 trở về trước các nước thuộc thế giới thứ ba trì trệ trong quá trình đô thị hóa thì thời gian từ đó về sau thực tế đã khác. Các quốc gia đang phát triển có tốc độ phát triển rất nhanh chóng, ví dụ năm 1900 khi có một trong mười thành phố lớn nhất nằm ở thế giới thứ ba đến năm 1950 con số ấy là 5. năm 1980, trong số 225 thành phố có số dân trên 1 triệu thì 116 thành phố thuộc về các nước đang phát triển. Cả thế giới có 25 thành phố có số dân trên 5 triệu thì 15 thành phố nằm ở thế giới thứ ba. Năm 1972 Phòng Thống kê Liên hiệp quốc đã đưa ra con số 30 thành phố lớn nhất thế giới năm 2000, trong 30 thành phố này thì có 21 thành phố có 57 triệu người (chiếm 49% tổng số dân của cả 30 thành phố). Năm 2000, theo dự báo thì số dân của 21 thành phố đó là hơn 276 triệu (chiếm 71,7% dân số của 30 thành phố đó). Tần số gia tăng của 21 thành phố đó ở thời kỳ 1950 – 2000 là 850%, trong đó 9 thành phố còn lại của các nước phát triển là 201%. Điển hình là trong khi thành phố Lagos của Nigeria tăng 23,16% lần, Daka (Bangladesh) tăng 25,95% lần thì các thành phố lớn của các nước công nghiệp phát triển như Newyork của Mỹ chỉ tăng 1,27 lần, Luân Đôn của Anh chỉ tăng 1,1 lần trong cùng một lượng thời gian. Như vậy, tốc độ tăng dân số ở các thành phố lớn thuộc thế giới thứ ba trong nửa thế kỷ qua là rất lớn.

Nếu so sánh tốc độ tăng trưởng dân số của 30 thành phố điển hình vừa nêu trên với thủ đô Hà Nội của chúng ta thì thấy: tỷ số gia tăng của 30 thành phố trong 50 năm tính chung khoảng 850%, Hà Nội của chúng ta năm 1954 (riêng 4 quận nội thành) là 38 vạn dân và tính lùi lại năm 1950 có khoảng 33 vạn (số liệu ước tính). Đến năm 2000, dân số của 4 quận nội thành sẽ là 1,5 triệu, tăng gấp 500%. Sự tăng chậm của Hà Nội thời kỳ này có lý do thực tế của nó. Trong suốt thời gian dài, Hà Nội chỉ đóng vai trò của một trung tâm hành chính quan liêu. Sức mạnh của nền kinh tế công nghiệp còn yếu, chưa đủ sức dung nạp số lượng dân số lớn. Ngoài ra còn vấn đề nhà cửa, đất đai, mang đậm tính chân quê thôn dã và nghèo nàn không cho phép dân số tăng lên đột ngột. Thập kỷ cuối cùng đã khiến cho Hà Nội có thêm một lượng người nhập cư lớn, chiếm 30% số người sống tại Hà Nội và các thành phố. Trong

những thập kỷ tới Hà Nội sẽ là một trọng điểm của tăng dân số, nằm trong danh mục của các đô thị có tốc độ phát triển dân số nhanh của thế giới.

Từ thực tế lịch sử của việc tăng trưởng dân số đô thị trên thế giới ta có thể thấy: Những nước thuộc thế giới thứ 3 lại có sự chênh lệch quá lớn về mức sống giữa nông thôn và thành thị chính là lí do làm cho việc di cư từ nông thôn ra thành thị diễn ra mạnh mẽ và làm cho dân số đô thị tăng lên đột ngột. Ví dụ: Kenia có 27% dân số đô thị, Nigeria có 35%, Ấn Độ có 27% nhưng cả 3 quốc gia này khu vực đô thị đã tiêu thụ hết 70% sản phẩm tiêu dùng của cả nước.

Các nước công nghiệp phát triển đã xóa đi sự cách biệt quá lớn giữa nông thôn và thành thị về mức sống, về văn hóa do đó đã hạn chế được sự bùng nổ của dân số đô thị.

Các thành phố của chúng ta đang đứng trước sự thách đố của việc bùng nổ dân số trong hiện tại và trong tương lai gần. Thiết nghĩ cũng nên có những nhận thức sớm hợp quy luật để kiểm tỏa sự bùng nổ quá kích cỡ đối với một hệ thống đô thị còn quá non yếu về nhiều mặt này.

TRẦN CAO SƠN